

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 575 /PVTM-P4

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

V/v xin ý kiến Dự thảo Thông tư sửa đổi,
bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT

Kính gửi:

- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Thép Việt Nam. ✓

Được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ Công Thương về việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Thông tư 37/2019/TT-BCT), Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) đang triển khai xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT (sau đây gọi tắt là Thông tư).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đối với nội dung dự thảo Thông tư, Cục PVTM trân trọng đề nghị Quý Đơn vị nghiên cứu và cho ý kiến về Hồ sơ dự thảo Thông tư (gửi kèm theo công văn này).

Cục PVTM kính đề nghị quý Đơn vị gửi ý kiến trước **ngày 30 tháng 8 năm 2023** tới Cục PVTM qua email: hanv@moit.gov.vn (Chị Việt Hà) để Cục kịp thời tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân (để bc);
- Các PCT;
- Lưu: VT, P4 (2).

CỤC TRƯỞNG



Cục Phòng vệ
thương mại
Bộ Công thương
31-07-2023
17:20:47 +07:00

Trịnh Anh Tuấn

Số: /2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 02

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là Thông tư số 37/2019/TT-BCT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia bên liên quan sau thời hạn nêu tại khoản 2 Điều này, Cơ quan điều tra có quyền xem xét việc chấp thuận hoặc không chấp thuận các tổ chức, cá nhân đó là bên liên quan của vụ việc trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong trường hợp không chấp thuận tổ chức, cá nhân là bên liên quan, Cơ quan điều tra nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“1. Tổng thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không vượt quá thời hạn có hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại tương ứng. Bộ Công Thương hàng năm xem xét thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo một trong các trường hợp được nêu tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không vượt quá thời hạn áp dụng của biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời đó.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ này không vượt quá 12 tháng tính từ ngày quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

4. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm c khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ này không vượt quá 12 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ hoặc tính từ ngày Quyết định miễn trừ có hiệu lực.

5. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung được Cơ quan điều tra tiếp nhận theo khoản 4 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ bổ sung được tính theo thời hạn miễn trừ của quyết định miễn trừ ban đầu.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Bộ Công Thương xem xét không miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong các trường hợp sau:

a) Việc áp dụng biện pháp miễn trừ có khả năng dẫn đến hành vi gian lận nhằm lẫn tránh việc bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

b) Tổ chức, cá nhân bị kết luận không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ theo yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra sau miễn trừ của cơ quan điều tra, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân chưa được cấp miễn trừ.”

4. Sửa đổi điểm d, điểm i khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 14 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là hồ sơ miễn trừ) bao gồm các giấy tờ và tài liệu sau đây:

d) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá nhập khẩu hàng hóa đề nghị miễn trừ (trong 03 năm gần nhất và năm hiện tại) hoặc thông tin về khối lượng, số lượng và giá trị mua tại thị trường nội địa (trong 03 năm gần nhất và năm hiện tại);

i) Thông tin về cơ sở, dây chuyền sản xuất và sản lượng sản xuất hàng hóa đề nghị miễn trừ trong 03 năm gần nhất và năm hiện tại, bao gồm: thông tin nhập xuất tồn, thông tin về hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng và báo cáo thuế (bản sao hoặc bản điện tử);

2. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ miễn trừ bổ sung tới Cơ quan điều tra quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư này, hồ sơ miễn trừ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:

b) Bản sao hoặc bản điện tử phiếu trừ lùi lượng hàng hóa nhập khẩu được miễn trừ của cơ quan hải quan;”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung, hồ sơ khai báo nhập khẩu đối với hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật hoặc gửi tới Cơ quan điều tra (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện).”

6. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 16 như sau:

“1. Cơ quan điều tra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ miễn trừ tại các thời điểm sau:

a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời;

b) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức;

c) Ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm.

4. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được miễn trừ đề nghị miễn trừ bổ sung cho năm hiện tại thì thực hiện thủ tục gửi hồ sơ miễn trừ bổ sung tới Cơ quan điều tra.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung thông tin của Cơ quan điều tra, cá nhân, tổ chức đề nghị miễn trừ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác những nội dung được yêu cầu bổ sung. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không bổ sung đầy đủ và chính xác theo yêu cầu trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan điều tra ban hành văn bản thông báo bổ sung hồ sơ, Cơ quan điều tra trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp.”

7. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Định kỳ 06 tháng trong thời hạn miễn trừ, tổ chức, cá nhân được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại phải nộp báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng hàng hóa được miễn trừ và việc tuân thủ điều kiện, nghĩa vụ được miễn trừ tới Cơ quan điều tra theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.”

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Kiểm tra sau miễn trừ nhằm mục đích xác minh, thẩm định việc tuân thủ của tổ chức, cá nhân đối với các điều kiện, quy định pháp luật về miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.”

9. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 26 như sau:

“c) Tổ chức, cá nhân không thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ theo Điều 20 Thông tư này.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 37/2019/TT-BCT

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đã được tiếp nhận và đã ban hành Quyết định miễn trừ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư 37/2019/TT-BCT. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chưa tiếp nhận hoặc chưa ban hành Quyết định miễn trừ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì được xem xét, áp dụng theo quy định của Thông tư này, trừ trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có quy định khác.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng bí thư, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PVTM (5).

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: /TTr-PVTM

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Công Thương

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ về việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (Sau đây gọi tắt là Thông tư 37/2019/TT-BCT), Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) xin kính báo cáo Bộ trưởng về việc ban hành Thông tư này như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

Đề hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định 10), trong giai đoạn 2018 – 2020, Bộ Công Thương đã ban hành 02 Thông tư hướng dẫn, cụ thể:

i) Thông tư 06/2018/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp PVTM; và

ii) Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp PVTM. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 06/2018/TT-BCT nêu trên.

Sau gần bốn năm tổ chức thực thi, Thông tư 37/2019/TT-BCT là văn bản quy phạm pháp luật giúp Cục PVTM và Bộ Công Thương có cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc xử lý các hồ sơ đề nghị và việc quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM một cách kịp thời, hợp lý, đúng quy định, bảo đảm hiệu quả của biện pháp trên thực tế. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật PVTM nói chung và Thông tư 37/2019/TT-BCT nói riêng, Cục nhận thấy một số vấn đề cần sửa đổi trong quy định về việc quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM tại Thông tư 37/2019/TT-BCT để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Cụ thể:

1.1. Về phạm vi, thành phần Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM

- Về phạm vi miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM: Hiện tại, theo quy định tại Điều 10 Thông tư 37/2019/TT-BCT, Bộ Công Thương xem xét việc miễn trừ

áp dụng biện pháp PVTM theo 6 trường hợp, trong đó có trường hợp: “Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không đáp ứng đủ lượng sử dụng trong nước”. Thực tế trong thời gian qua đã xảy ra hiện tượng một số doanh nghiệp vi phạm dẫn quy định này để nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ. Trong khi đó, trong hầu hết các vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp PVTM, ngành sản xuất trong nước không thể đáp ứng được 100% nhu cầu trong nước. Sự thiếu hụt này vẫn có thể được bù đắp từ các nguồn nhập khẩu không bị áp dụng biện pháp PVTM. Tuy nhiên, nếu từ chối miễn trừ, các doanh nghiệp đề nghị miễn trừ có thể có ý kiến thắc mắc. Vì vậy, cần loại bỏ quy định xem xét miễn trừ trong trường hợp hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không đáp ứng đủ lượng sử dụng trong nước.

- Về thành phần hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM: Thành phần hồ sơ miễn trừ đã được quy định tại Điều 14 Thông tư 37/2019/TT-BCT. Đây là căn cứ để Cơ quan điều tra thẩm định, tính toán và xác định được lượng hàng hóa nhập khẩu được hưởng miễn trừ trên cơ sở năng lực sản xuất và định mức sử dụng nguyên vật liệu do doanh nghiệp cung cấp theo một phương pháp thống nhất. Trong thực tế, để Cơ quan điều tra thẩm định và xác minh chính xác lượng nhập khẩu được miễn trừ theo đúng nhu cầu, Cơ quan điều tra cần thêm một số thông tin như báo cáo xuất nhập tồn, hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng, báo cáo thuế. Những thông tin này chưa được liệt kê cụ thể trong thành phần hồ sơ. Các thành phần hồ sơ cụ thể này là yêu cầu thực tế khi tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp từ trước đến nay của các đoàn thanh tra, kiểm tra sau miễn trừ, làm căn cứ để đưa ra kết luận thanh tra, kiểm tra. Vì vậy, thành phần hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM cần được quy định chi tiết hơn để các doanh nghiệp có thể tuân thủ một cách dễ dàng. Thông tư 37/2019/TT-BCT đang quy định thành phần hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM thiếu cụ thể, tách bạch để cá nhân, tổ chức đề nghị miễn trừ có thể hiểu rõ nghĩa vụ cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin trong hồ sơ. Thực tế nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ cho thấy cá nhân tổ chức đề nghị thường nộp thiếu thành phần hồ sơ do hiểu không đúng về danh mục, thành phần hồ sơ. Thông tư sửa đổi bổ sung đề xuất quy định nhằm làm rõ và chi tiết các đầu mục hồ sơ cần cung cấp, là các tài liệu, hồ sơ **bắt buộc, có sẵn** của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và thủ tục miễn trừ, **không làm mất thời gian, phiền hà cho doanh nghiệp, không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.**

1.2. Về công tác kiểm tra sau miễn trừ

Công tác hậu kiểm cần phải được sử dụng thường xuyên và chặt chẽ. Kinh nghiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra nói chung của hầu hết các quốc gia tiên tiến cho thấy hậu kiểm sẽ phát huy được việc tuân thủ pháp luật ở mức độ cao nhất, tăng tính nghiêm minh và loại bỏ được các hành vi gian dối của các đối tượng kiểm tra. Việc các đối tượng khai báo để xin hưởng miễn trừ là cơ sở phản ánh để việc tuân thủ pháp luật, tính trung thực của đối tượng và là căn cứ cho cơ quan kiểm tra tiến hành hậu kiểm. Quy định Cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện kiểm tra có thẩm quyền đánh giá, tính toán thực tế định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong sản xuất, gia công và biện pháp xử

lý phế liệu, phế thải, phế phẩm, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa sau sản xuất, gia công.

1.3. Về thủ tục kiểm tra sau miễn trừ và chế tài xử lý vi phạm

Thực tiễn công tác kiểm tra sau miễn trừ thời gian qua cho thấy nhiều doanh nghiệp không tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Thông tư 37/2019/TT-BCT nhưng thủ tục kiểm tra sau miễn trừ và chế tài xử lý vi phạm theo Thông tư này chưa cụ thể và chưa đủ giáo dục và răn đe. Cần bổ sung chế tài tương ứng với việc không tuân thủ/tuân thủ không đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định, sẽ thiết kế các chế tài như: Thu hồi quyết định hưởng miễn trừ, không xem xét cho tiếp tục hưởng miễn trừ trong thời gian cụ thể hoặc cho đến khi biện pháp PVTM đang được áp dụng chấm dứt, yêu cầu cơ quan hải quan truy thu thuế đối với một phần/toàn bộ hàng hóa đã được hưởng miễn trừ.

1.4. Về thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM

Quy định về thời hạn miễn trừ tại Thông tư 37/2019/TT-BCT hiện nay có thể gây hiểu lầm trong một số trường hợp khi giải thích về câu chữ.

Thực tế áp dụng pháp luật trong quá trình xem xét hồ sơ miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM từ trước đến nay luôn tuân thủ:

(1) Việc miễn trừ là một thủ tục luật định nhằm giải quyết các vướng mắc trong vấn đề phạm vi sản phẩm mà lĩnh vực hải quan và PVTM chưa có phương án giải quyết triệt để việc phân loại hàng hóa để định danh trong biểu thuế bởi mã HS trong hệ thống phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu của cơ quan Việt Nam hiện nay phổ biến là 8 số (hiện nay một số quốc gia trên thế giới dùng mã HS 10 số hoặc 12 số). Vì vậy, sản phẩm hàng hóa trong vụ việc phòng vệ thương mại không thể phân biệt được một cách tường minh và không bao quát hết được việc mô tả các đặc tính lý hóa, đặc tính kỹ thuật... Lẽ ra sản phẩm được miễn trừ phải được phân biệt rõ để loại trừ khỏi biện pháp PVTM. Ngoài ra, trong các Hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới như Hiệp định Chống bán phá giá, Hiệp định về Tự vệ, Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng không có quy định về miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM. Nhiều quốc gia trên thế giới cũng không có quy định về việc này một cách triệt để do vấn đề phạm vi sản phẩm như đã nói bên trên và trao cho cơ quan phụ trách lĩnh vực PVTM thẩm quyền xem xét, đề xuất nội luật hóa các quy định, phương án miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM một cách hợp lý trên nguyên tắc không làm giảm hiệu quả tổng thể của biện pháp PVTM tương ứng.

(2) thời hạn miễn trừ được hiểu là thời hạn của mỗi hồ sơ đề nghị miễn trừ biện pháp PVTM theo các quy định tại Điều 11 và Điều 16 Thông tư 37/2019/TT-BCT. Hiện tại, Thông tư 37/2019/TT-BCT đang quy định thời hạn miễn trừ của mỗi hồ sơ đề nghị miễn trừ biện pháp PVTM là 18 tháng, Thông tư sửa đổi bổ sung đề xuất phương án rút ngắn thời hạn này còn 12 tháng. Việc này nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp được hưởng miễn trừ trong việc hoàn thuế PVTM theo từng năm tài chính, đồng thời cơ quan quản lý và cơ

quan hải quan cũng thuận tiện hơn trong việc kiểm soát và xử lý hồ sơ xuất nhập khẩu.

Bộ Công Thương hàng năm xem xét thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM nhằm kiểm soát hiệu quả tổng thể của biện pháp PVTM. Tôn chỉ, mục đích của biện pháp PVTM là bảo vệ và khuyến khích ngành sản xuất trong nước phát triển, giảm lệ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu. Việc miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM có thời hạn 12 tháng, không giới hạn số lần đề nghị cấp miễn trừ bổ sung trong khi tổng thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM không thay đổi.

Từ đó đặt ra yêu cầu làm rõ quy định về thời hạn miễn trừ, trong đó thống nhất khoảng thời gian tối đa cho một (01) lần cấp miễn trừ căn cứ theo hồ sơ đề nghị miễn trừ của doanh nghiệp và không giới hạn số lần cấp miễn trừ bổ sung nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cũng như bảo đảm hiệu quả của biện pháp PVTM trên thực tế.

1.5. Một số sửa đổi, bổ sung khác

Ngoài một số sửa đổi, bổ sung nêu trên, Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT cũng điều chỉnh sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ nhằm thống nhất cách thức quy định về một vấn đề, một đối tượng chung trong một điều khoản mà không làm thay đổi bản chất hay phát sinh quyền và nghĩa vụ tương ứng.

2. Cơ sở thực tiễn

Cho tới nay, Bộ Công Thương đã tiến hành điều tra tổng cộng 25 vụ việc PVTM, trong đó đã quyết định áp dụng biện pháp PVTM trong 23 vụ việc (bao gồm 14 vụ việc chống bán phá giá - CBPG, 01 vụ việc chống trợ cấp - CTC, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẫn tránh).

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2023, liên quan tới việc cấp miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM, Bộ Công Thương đã ban hành tổng cộng 318 Quyết định miễn trừ và 50 Quyết định bổ sung lượng miễn trừ cho các doanh nghiệp nhập khẩu liên quan tới 10 vụ việc phòng vệ thương mại, cụ thể như sau: AD01: Thép không gỉ cán nguội; AD02 (đã chấm dứt áp thuế): Thép mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm; SG05 và AD04: Thép phủ màu; AD07: Màng BOPP; AD08: Thép cán nguội; AD10: Sợi polyester; AD15: Vật liệu hàn; SG04 và AC01.SG04: Phôi thép, thép dài. Tổng khối lượng miễn trừ đã cấp là 742.112 tấn sản phẩm.

Trong số các vụ việc áp dụng biện pháp PVTM thì vụ việc liên quan tới thép phủ màu (AD04 và SG05) và sản phẩm phôi thép, thép dài (SG04 và AC01.SG04) hiện đang được cấp miễn trừ cho nhiều doanh nghiệp nhất với khối lượng lớn nhất trong các vụ việc. Các sản phẩm được miễn trừ đều là các sản phẩm khác biệt so với hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ và biện pháp CBPG (là các sản phẩm phôi thép, thép dài, thép phủ màu sử dụng cho mục đích xây dựng thông thường).

Cho tới nay, Bộ Công Thương đã quyết định miễn trừ cho tổng cộng 91 doanh nghiệp trong các vụ việc nêu trên.

Phạm vi doanh nghiệp được xem xét quyết định miễn trừ không bị giới hạn bởi loại hình doanh nghiệp hay nguồn vốn đầu tư, chủ sở hữu của doanh nghiệp. Có thể kể đến các doanh nghiệp được cấp miễn trừ nhiều nhất đều là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Samsung, LG, Panasonic, Aqua nhập khẩu thép phủ sơn PCM/VCM sử dụng để sản xuất tủ lạnh, máy giặt.

Toàn bộ các doanh nghiệp được quyết định miễn trừ đều là các doanh nghiệp sản xuất, có đầy đủ cơ sở hạ tầng, máy móc để có thể sử dụng hàng hóa được miễn trừ để sản xuất những sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng nội địa cũng như xuất khẩu (không cấp miễn trừ cho các doanh nghiệp thương mại).

Hàng năm, Cục PVTM tiếp nhận, thẩm định và báo cáo lãnh đạo Bộ ban hành quyết định miễn trừ cho khoảng 40-50 doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp này tương đối ổn định. Hàng năm, có trung bình khoảng 12 doanh nghiệp mới đề nghị được cấp miễn trừ lần đầu (thông thường phát sinh từ các vụ việc áp dụng biện pháp PVTM mới hoặc một số doanh nghiệp trước đây vẫn nhập các sản phẩm thuộc phạm vi được miễn trừ nhưng không biết có quy định này).

Trên cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung các quy định tại Thông tư 37/2019/TT-BCT cho phù hợp với là hết sức cần thiết và cấp bách.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 37/2019/TT-BCT nhằm mục đích đảm bảo thi hành các quy định tại Nghị định 10 và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các quy định hiện hành.

2. Kế thừa những quy định còn phù hợp, tiên tiến và áp dụng trong thực tiễn có hiệu quả của Thông tư 37/2019/TT-BCT, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM và khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Thông tư 37/2019/TT-BCT.

3. Tạo lập khung khổ pháp lý toàn diện, hợp lý, khả thi nhằm đảm bảo cho công tác miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM đúng pháp luật, đạt hiệu quả, chất lượng, góp phần hữu hiệu vào công cuộc đấu tranh phòng, chống, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật PVTM trong bối cảnh thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Việc tham mưu xây dựng Dự thảo Thông tư đã tuân thủ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), các văn bản hướng dẫn và *Thông tư 08/2021/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương*. Cụ thể như sau:

1. Ngày tháng 6 năm 2023, Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) đã có văn bản số gửi các đơn vị liên quan xin ý kiến dự thảo Thông tư.

2. Ngày.... Tháng 6 năm 2023, Cục PVTM đã phối hợp với Vụ Pháp chế đăng tải công khai Dự thảo Thông tư trên trang thông tin của Bộ để lấy ý kiến theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục: Dự thảo Thông tư gồm 4 Điều.

2. Nội dung cơ bản:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số khoản của các điều của Thông tư số 37/2019/TT-BTC

Điều này sửa đổi, bổ sung đối với 9 điều khoản của Thông tư 37/2019/TT-BCT như sau:

(1) Sửa đổi khoản 5 Điều 6 về bên liên quan trong vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

(2) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về Thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

(3) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 về Tiêu chí xem xét và hình thức miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

(4) Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm i khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 14 về Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại và Hồ sơ miễn trừ bổ sung.

(5) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 về Nộp và theo dõi hồ sơ đề nghị miễn trừ.

(6) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 16 về Thông báo tiếp nhận Hồ sơ miễn trừ và yêu cầu Hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung.

(7) Sửa đổi, bổ sung Điều 20 về nghĩa vụ nộp Báo cáo định kỳ.

(8) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 về Kiểm tra sau miễn trừ.

(9) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 26 về Thu hồi quyết định miễn trừ.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 37/2019/TT-BTC

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Dự thảo Thông tư cũng quy định về điều khoản chuyển tiếp theo hướng đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đã được tiếp nhận và đã ban hành Quyết định miễn trừ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư 37/2019/TT-BCT, đối

với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chưa tiếp nhận hoặc chưa ban hành Quyết định miễn trừ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì được xem xét, áp dụng theo quy định của Thông tư này, trừ trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có quy định khác.

Ngoài ra, để đảm bảo phù hợp với tính biến động liên tục của hệ thống pháp luật, Thông tư quy định trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Cục PVTM kính báo cáo Bộ trưởng xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Xin trình kèm theo:

1. Dự thảo Thông tư lần 2.
2.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT;
- Vụ PC;
- Cục XNK;
- P1, P2;
- Lưu: VT, P4 (AnhHtqu);

CỤC TRƯỞNG

Trịnh Anh Tuấn